

Bản án số: 50/2020/HS-ST
Ngày: 12-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải và ông Phạm Công Gia

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2020/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn T (Tên gọi khác: M) – sinh năm 1995, tại B.T

Nơi cư trú: Thôn 8, xã Đ.K, huyện Đ.L, tỉnh B.T; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N – sinh năm 1957 và bà Trần Thị Bích L – sinh năm 1971; Sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị P – sinh năm 1986; Có 01 (Một) con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/02/2020, bị tạm giam từ ngày 30/3/2020. (Có mặt)

- Bị hại: Chị **Nguyễn Hoàng A** – sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T.L, xã T.S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (Vắng mặt)

1/ Anh **Cao Văn L** – sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp Đ.T, xã T.S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

2/ Anh **Trần Trọng K** – sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp T.L, xã T.S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3/ Anh **Nguyễn Đức T** – sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp T.L, xã T.S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

4/ Bà **Đỗ Thị V** – sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp T.L, xã T.S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn T là đối tượng nghiện ma túy. Do T do không có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên vào khoảng 19 giờ ngày 26/01/2020, T đi ngang qua nhà chị Nguyễn Hoàng A (tại ấp T.L, xã T.S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai) quan sát thấy cửa chính khóa, xung quanh không có người nên T lén lút đi vào bên hông nhà của chị Anh. T thấy cửa sổ phòng ngủ mở nên nhìn từ cửa sổ vào thì bên trong phòng có 01 (Một) túi xách màu trắng và 01 (Một) túi đeo bao tử màu đen để trên bàn. T nhìn phía sau nhà thì thấy có 01 (Một) thanh sắt rồng dài 03m, loại cần xịt thuốc nên lấy thanh sắt trên rồi đi lại chỗ cửa sổ và móc 02 (Hai) túi trên từ trong phòng ngủ ra ngoài cửa sổ. T mở túi xách màu trắng thấy không có tiền nên vớt lại trong vườn mít, còn túi đeo bao tử màu đen có tiền nên T mở ra kiểm tra thì thấy bên trong có 01 (Một) điện thoại di động Iphone 5, màu đen và tiền mặt mệnh giá 50.000 đồng, 100.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Số tiền trộm cắp được T sử dụng để mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân, còn điện thoại di động Iphone 5 T bán cho Trần Trọng K với giá 400.000 đồng cũng để mua ma túy sử dụng. Ngày 08/02/2020 chị Hoàng A đã trình báo sự việc đến cơ quan Công an. Tại cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trị giá tài sản thiệt hại: Số tiền mặt 10.000.000 đồng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL.HĐĐGTS và Biên bản định giá tài sản ngày 12/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú xác định 01 (Một) điện thoại di động Iphone 5, màu đen, đã qua sử dụng trị giá 1.500.000 đồng; 01 (Một) túi bao tử, loại túi vải đeo ngang bụng, màu đen, đã qua sử dụng trị giá 120.000 đồng. Tổng tài sản thiệt hại là 11.620.000 đồng

Theo Cáo trạng số 55/CT-VKSTP-ĐN ngày 14/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T mức án 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Hoàng A đã nhận lại tài sản là điện thoại di động Iphone 5, đối với số tiền mặt 10.000.000 đồng và túi bao tử trị giá 120.000đ chị Anh không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét; đề nghị buộc bị cáo bồi thường đối với số tiền 400.000 đồng Trần Trọng K dùng để mua điện thoại di động Iphone 5, màu đen. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (Một) điện thoại di động Iphone 5, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (Một) thẻ sim Viettel số 0328.555.495; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Master; 01 (Một) thẻ sim Viettel số 0965.979.940; 01 (Một) thanh kim loại rồng (vòi ống xịt thuốc) dài 03m là tài sản hợp pháp đã trao trả cho chủ sở hữu nên không đề nghị xem xét. Đối với các vật chứng thu giữ là 03 (Ba) con dao tự chế (Gồm 01 (Một) con dao cán gỗ dài 1,1 m, phần cán dài 75 cm, lưỡi dao dài 35 cm; 01 (Một) dao mã tấu dài 80 cm, cán gỗ dài 30 cm, lưỡi dao bầu nhọn 45

cm; 01 (Một) con dao sắt dài 60 cm, cán dao dài 17 cm là tang vật liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Trần Trọng K nên đã chuyển qua hồ sơ vụ mua bán trái phép chất ma túy xảy ra ngày 08/02/2020 tại ấp Thanh L, xã T.S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai để xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với 01 (Một) đoạn sắt ăng ten Radio dài 49 cm, đầu có gắn đoạn sắt cuộn tròn đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú thì đề nghị tịch thu tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản, đồng ý với tội danh, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị là tương xứng đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ như Kết luận định giá, Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, Biên bản khám xét, Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường... Như vậy, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Vào khoảng 19 giờ ngày 26/01/2020, tại ấp T.L, xã T.S, huyện Tân Phú, Nguyễn Tấn T có hành vi trộm cắp tài sản là số tiền 10.000.000 đồng, 01 (Một) điện thoại di động Iphone 5, màu đen trị giá 1.500.000 đồng và 01 (Một) túi bao tử, loại túi vải đeo ngang bụng, màu đen trị giá 120.000 đồng của chị Nguyễn Hoàng A, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 11.620.000 đồng.

Hành vi của Nguyễn Tấn T đã đủ yếu tố cấu T tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt:

Bị cáo là người đã T niên nhận thức đầy đủ về hành vi của mình, vì muốn có tiền tiêu xài cho nhu cầu bản thân nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật của Nhà nước, đã gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Trong vụ án này, bị cáo khai cho rằng Cao Văn L cùng có hành vi trộm cắp tài sản với bị cáo nhưng qua điều tra, đối chất thì L không thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản, ngoài lời khai của bị cáo thì không có chứng cứ nào khác chứng minh hành vi đồng phạm của L nên chưa có căn cứ xử lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử chưa đủ cơ sở xem xét hành vi của L trong vụ án, chưa đủ cơ sở đánh giá tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội và vai trò của từng người đồng phạm nhằm cá thể hóa hình phạt khi lượng hình.

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo tự rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật, tu dưỡng bản thân trở T người công dân tốt sống có ích cho xã hội, đồng thời góp phần răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo pháp luật của Nhà nước.

[6] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, đồng thời xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo, thể hiện bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Hoàng A đã nhận lại tài sản là điện thoại di động Iphone 5, đối với số tiền 10.000.000 đồng và túi bao tử trị giá 120.000đ chị Anh không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét. Anh Trần Trọng K đề nghị buộc bị cáo bồi thường đối với số tiền 400.000 đồng dùng để mua điện thoại di động Iphone 5 màu đen, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho anh K số tiền này nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (Một) điện thoại di động Iphone 5, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (Một) thẻ sim Viettel số 0328.555.495; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Master; 01 (Một) thẻ sim Viettel số 0965.979.940; 01 (Một) thanh kim loại rỗng (vòi ống xịt thuốc) dài 03m là tài sản hợp pháp đã trao trả cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với các vật chứng thu giữ là

03 (Ba) con dao tự chế (Gồm 01 (Một) con dao cán gỗ dài 1,1 m, phần cán dài 75 cm, lưỡi dao dài 35 cm; 01 (Một) dao mã tấu dài 80 cm, cán gỗ dài 30 cm, lưỡi dao bầu nhọn 45 cm; 01 (Một) con dao sắt dài 60 cm, cán dao dài 17 cm là tang vật liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Trần Trọng K nên đã chuyển qua hồ sơ vụ mua bán trái phép chất ma túy xảy ra ngày 08/02/2020 tại ấp T.L, xã T.S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai để xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với 01 (Một) đoạn sắt ăng ten Radio dài 49 cm, đầu có gắn đoạn sắt cuộn tròn là công cụ, phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử xem xét tịch thu tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng.

[8] Các vấn đề khác:

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, nhưng Cao Văn L không thừa nhận có hành vi trộm cắp tài sản, Trần Trọng K không thừa nhận hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, ngoài lời khai của bị cáo T thì không có chứng cứ nào khác chứng minh hành vi trộm cắp tài sản của L và hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của K nên chưa có căn cứ xử lý, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Trần Trọng K, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú đã tách khởi tố điều tra ở vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điều 46, Điều 47; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2020.

2. Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T bồi thường cho anh Trần Trọng K số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) đoạn sắt ăng ten Radio dài 49 cm, đầu có gắn đoạn sắt cuộn tròn (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/5/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú).

3. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng